

Số: /QĐ-ĐHĐT

Đồng Tháp, ngày tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch đào tạo đội ngũ viên chức Trường Đại học Đồng Tháp đến năm 2030

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Căn cứ Quyết định số 08/2003/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sư phạm Đồng Tháp nay là Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị quyết số 81/NQ-HĐT ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 156/NQ-HĐT ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị quyết số 179/NQ-HĐT ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức và nhân viên trong Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 1223/QĐ-ĐHĐT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp phê duyệt Quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức, nhân viên Trường Đại học Đồng Tháp giai đoạn 2022-2030;

Căn cứ Quyết định số 5519/QĐ-ĐHĐT ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc điều chỉnh, bổ sung phê duyệt Quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức, nhân viên Trường Đại học Đồng Tháp giai đoạn 2022-2030 được ban hành theo Quyết định số 1223/QĐ-ĐHĐT ngày 31 tháng 3 năm 2023;

Căn cứ Công văn số 856/ĐHĐT-TCCB ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Trường Đại học Đồng Tháp về việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung nhu cầu quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Trường phòng Tổ chức cán bộ và Pháp chế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch đào tạo đội ngũ viên chức Trường Đại học Đồng Tháp đến năm 2030, gồm các Ông/Bà có tên sau:

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức cán bộ và Pháp chế, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, các trưởng đơn vị liên quan và các Ông/Bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.



Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HT, các PHT;
- Đảng D-Office Trường;
- Lưu: VT, TCCBPC, Linh.

HIỆU TRƯỞNG

Hồ Văn Thống

DANH SÁCH VIÊN CHỨC QUY HOẠCH ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHĐT ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

STT	Bộ môn/ Đơn vị	STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn hiện tại		Dự kiến quy hoạch đội ngũ viên chức đào tạo sau đại học đến năm 2030					
				Trình độ	Chuyên ngành	Năm dự kiến đi đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Nơi đào tạo (trong nước, ngoài nước)	Đáp ứng ngành đào tạo hiện có	Chuẩn bị đội ngũ mở ngành đào tạo mới
A. QUY HOẠCH TỪ BỘ MÔN/KHOA ĐÀO TẠO											
I. KHOA NGOẠI NGỮ											
1	BM SP Tiếng Anh	1	Hồng Diễm Thúy	Thạc sĩ	Lý luận và PPDH bộ môn tiếng Anh	2026	Tiến sĩ	Lý luận và PPDH bộ môn tiếng Anh	Nước ngoài	Sư phạm Tiếng Anh	
2		2	Phan Thùy Trang	Thạc sĩ	Lý luận và PPDH bộ môn tiếng Anh	2027	Tiến sĩ	Lý luận và PPDH bộ môn tiếng Anh	Trong nước	Sư phạm Tiếng Anh	
3		3	Mai Thị Thảo	Thạc sĩ	Lý luận và PPDH bộ môn tiếng Anh	2026	Tiến sĩ	Lý luận và PPDH bộ môn tiếng Anh	Nước ngoài	Sư phạm Tiếng Anh	
4		4	Trương Võ Minh Châu	Thạc sĩ	Phương pháp giáo dục tiếng Anh	2026	Tiến sĩ	Lý luận và PPDH tiếng Anh	Trong nước	Sư phạm Tiếng Anh	
5		5	Phạm Huỳnh Thúy Uyên	Thạc sĩ	Lý luận và PPDH bộ môn tiếng Anh	2026	Tiến sĩ	Lý luận và PPDH bộ môn tiếng Anh	Trong nước		
6		6	Võ Thị Anh Thư	Thạc sĩ	Lý luận và PPDH bộ môn tiếng Anh	2025	Tiến sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng	Nước ngoài		

Handwritten signature

STT	Bộ môn/ Đơn vị	STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn hiện tại		Dự kiến quy hoạch đội ngũ viên chức đào tạo sau đại học đến năm 2030					
				Trình độ	Chuyên ngành	Năm dự kiến đi đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Nơi đào tạo (trong nước, ngoài nước)	Đáp ứng ngành đào tạo hiện có	Chuẩn bị đội ngũ mở ngành đào tạo mới
7	BM Ngôn ngữ Anh	1	Trần Ngọc Ánh	Thạc sĩ	PP GD Tiếng Anh	2027	Tiến sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng	Nước ngoài	Ngôn ngữ Anh	
8		2	Bùi Trường An	Thạc sĩ	LL và PP dạy học bộ môn tiếng Anh	2026	Tiến sĩ	Lý luận và Phương pháp giảng dạy bộ môn tiếng Anh	Trong nước	Ngôn ngữ Anh	
9		3	Phan Thái Anh Thư	Thạc sĩ	LL và PP dạy học bộ môn tiếng Anh	2027	Tiến sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng	Nước ngoài	Ngôn ngữ Anh/SP Tiếng Anh	
10		4	Nguyễn Thị Đan Thanh	Thạc sĩ	LL và PP dạy học tiếng Anh	2026	Tiến sĩ	LL và PP dạy học tiếng Anh	Trong nước	Ngôn ngữ Anh/SP Tiếng Anh	
11		5	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thạc sĩ	LL và PP dạy học tiếng Anh	2027	Tiến sĩ	LL và PP dạy học tiếng Anh	Trong nước	Ngôn ngữ Anh	
12		6	Phạm Văn Tặc	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	2025	Tiến sĩ	Ngôn ngữ học so sánh và đối chiếu	Trong nước		
13	BM Ngôn ngữ Trung Quốc	1	Phạm Thị Kim Chi	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Trung Quốc	2026	Tiến sĩ	Giáo dục Hán ngữ quốc tế hoặc Ngôn ngữ học	Nước ngoài hoặc Trong nước	Ngôn ngữ Trung Quốc; Sư phạm tiếng Trung Quốc	
14		2	Lê Duyên Khánh	Đại học	Ngôn ngữ Trung Quốc	2025	Thạc sĩ	Giáo dục Hán ngữ quốc tế hoặc Ngôn ngữ Trung Quốc	Nước ngoài	Ngôn ngữ Trung Quốc; Sư phạm tiếng Trung Quốc	

STT	Bộ môn/ Đơn vị	STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn hiện tại		Dự kiến quy hoạch đội ngũ viên chức đào tạo sau đại học đến năm 2030					
				Trình độ	Chuyên ngành	Năm dự kiến đi đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Nơi đào tạo (trong nước, ngoài nước)	Đáp ứng ngành đào tạo hiện có	Chuẩn bị đội ngũ mở ngành đào tạo mới
15	BM Ngôn ngữ Trung Quốc	3	Võ Thanh Bảo	Đại học	Ngôn ngữ Trung Quốc	2026	Thạc sĩ	Giáo dục Hán ngữ quốc tế hoặc Ngôn ngữ Trung Quốc	Nước ngoài hoặc Trong nước	Ngôn ngữ Trung Quốc; Sư phạm tiếng Trung Quốc	
16		4	Vi Ngọc Trân	Đại học	Ngôn ngữ Trung Quốc	2026	Thạc sĩ	Giáo dục Hán ngữ quốc tế hoặc Ngôn ngữ Trung Quốc	Nước ngoài hoặc Trong nước	Ngôn ngữ Trung Quốc; Sư phạm tiếng Trung Quốc	
II. KHOA CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT											
17	BM Công nghệ thông tin	1	Lê Minh Thư	Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	2028	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin	Trong nước		
18		2	Trần Kim Hương	Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	2026	Tiến sĩ	Hệ thống thông tin	Trong nước	SP Tin học	Cao học CNTT
19	BM Khoa học máy tính	1	Phạm Huệ Minh	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	2027	Tiến sĩ	Giáo dục học	Trong nước		
20		2	Huỳnh Lê Uyên Minh	Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	2026	Tiến sĩ	Hệ thống thông tin	Trong nước		

STT	Bộ môn/ Đơn vị	STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn hiện tại		Dự kiến quy hoạch đội ngũ viên chức đào tạo sau đại học đến năm 2030					
				Trình độ	Chuyên ngành	Năm dự kiến đi đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Nơi đào tạo (trong nước, ngoài nước)	Đáp ứng ngành đào tạo hiện có	Chuẩn bị đội ngũ mở ngành đào tạo mới
III. KHOA KINH TẾ - LUẬT											
21	BM Kế toán	1	Lê Thị Kim Triệu	Thạc sĩ	Kế toán, Kiểm toán và phân tích	2026	Tiến sĩ	Tài chính	Trong nước	Kế toán	
22		2	Hoàng Thị Tố Như	Thạc sĩ	Kinh doanh và Quản lý	2028	Tiến sĩ	Kế toán	Trong nước	Kế toán	
23		3	Hoàng Thị Ánh Nguyệt	Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp	2028	Tiến sĩ	Tài chính ngân hàng	Trong nước	Kế toán	
24		4	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	Thạc sĩ	Kinh doanh và Quản lý	2030	Tiến sĩ	Tài chính ngân hàng	Trong nước	Kế toán	
25	BM Tài chính ngân hàng	1	Nguyễn Anh Tú	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	2025	Tiến sĩ	Tài chính ngân hàng	Trong nước	Tài chính ngân hàng	Thạc sĩ Tài chính ngân hàng
26		2	Lê Nguyễn Như Mai	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	2028	Tiến sĩ	Tài chính ngân hàng	Trong nước	Tài chính ngân hàng	Thạc sĩ Tài chính ngân hàng

STT	Bộ môn/ Đơn vị	STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn hiện tại		Dự kiến quy hoạch đội ngũ viên chức đào tạo sau đại học đến năm 2030					
				Trình độ	Chuyên ngành	Năm dự kiến đi đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Nơi đào tạo (trong nước, ngoài nước)	Đáp ứng ngành đào tạo hiện có	Chuẩn bị đội ngũ mở ngành đào tạo mới
27	BM Kinh doanh quốc tế & Logistics	1	Hoàng Thị Doan	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	2026	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Trong nước	Quản trị kinh doanh	Đại học Kinh tế đầu tư; Kinh doanh quốc tế; cao học Quản lý kinh tế
28		2	Huỳnh Châu Hiếu Thảo	Đại học	Kinh doanh quốc tế	2025	Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế	Trong nước	Kinh doanh quốc tế	Đại học Kinh tế đầu tư; Kinh doanh quốc tế; cao học Quản lý kinh tế
29		3	Thi Bích Châu	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Marketing và quản lý (Marketing and Management)	2025	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Trong nước	Quản trị kinh doanh	
30	BM Quản trị kinh doanh	1	Lê Thị Loan	Thạc sĩ	Kinh tế	2028	Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	Trong nước	Thạc sĩ Quản lý kinh tế	Quản lý kinh tế
31		2	Nguyễn Thị Tú Trinh	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	2025	Tiến sĩ	Du lịch	Trong nước	Quản trị kinh doanh	
32		3	Nguyễn Ngọc Trân	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	2025	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Trong nước	Quản trị kinh doanh	Đại học Kinh tế đầu tư; Kinh doanh quốc tế; cao học Quản lý kinh tế

STT	Bộ môn/ Đơn vị	STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn hiện tại		Dự kiến quy hoạch đội ngũ viên chức đào tạo sau đại học đến năm 2030					
				Trình độ	Chuyên ngành	Năm dự kiến đi đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Nơi đào tạo (trong nước, ngoài nước)	Đáp ứng ngành đào tạo hiện có	Chuẩn bị đội ngũ mở ngành đào tạo mới
33	BM Luật	1	Võ Thị Minh Mẫn	Thạc sĩ	Lý luận nhà nước và pháp luật	2028	Tiến sĩ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	Trong nước	Luật	
34		2	Nguyễn Thanh Bằng	Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	2027	Tiến sĩ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	Trong nước	Luật	
35		3	Võ Thị Mỹ Linh	Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	2026	Tiến sĩ	Luật Kinh tế	Trong nước	Luật	Đại học Luật

IV. KHOA NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

36	BM Quản lý đất đai	1	La Văn Hùng Minh	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	2026	Tiến sĩ	Quản lý đất đai	Trong nước	Quản lý đất đai	Cao học Quản lý đất đai
37		2	Phạm Thế Hùng	Thạc sĩ	Bản đồ, viễn thám và hệ thống tin địa lý	2026	Tiến sĩ	Bản đồ, viễn thám và hệ thống tin địa lý	Nước ngoài	Quản lý đất đai	Cao học Quản lý đất đai
38	BM Khoa học môi trường và Quản lý tài nguyên môi trường	1	Bùi Minh Triết	Thạc sĩ	Kỹ thuật môi trường	2026	Tiến sĩ	Môi trường đất và nước	Trong nước	Khoa học Môi trường (ĐH)	Cao học KHMT; đại học Quản lý tài nguyên và môi trường

STT	Bộ môn/ Đơn vị	STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn hiện tại		Dự kiến quy hoạch đội ngũ viên chức đào tạo sau đại học đến năm 2030					
				Trình độ	Chuyên ngành	Năm dự kiến đi đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Nơi đào tạo (trong nước, ngoài nước)	Đáp ứng ngành đào tạo hiện có	Chuẩn bị đội ngũ mở ngành đào tạo mới
39	BM Nông học	1	Lê Thị Trúc Phương	Thạc sĩ	Bảo vệ thực vật	2026	Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Trong nước	Nông học	Cao học Nông học
40		2	Nguyễn Thị Pha Ly	Thạc sĩ	Công nghệ sinh học	2025	Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Trong nước	Nông học	
41		3	Võ Duy Hoàng	Thạc sĩ	Bảo vệ thực vật	2025	Tiến sĩ	Trồng trọt	Trong nước	Nông học	
42	BM Nuôi trồng thủy sản	1	Trần Đạt Huy	Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản	2027	Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản	Trong nước	Nuôi trồng thủy sản	Cao học NTTS
43		2	Nguyễn Gia Hiên	Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản	2027	Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản	Trong nước	Nuôi trồng thủy sản	Cao học NTTS
44		3	Nguyễn Thị Thành	Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản	2027	Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản	Trong nước	Nuôi trồng thủy sản	Cao học NTTS
45		4	Huỳnh Thị Ngọc Thanh	Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản	2026	Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản	Trong nước		

STT	Bộ môn/ Đơn vị	STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn hiện tại		Dự kiến quy hoạch đội ngũ viên chức đào tạo sau đại học đến năm 2030					
				Trình độ	Chuyên ngành	Năm dự kiến đi đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Nơi đào tạo (trong nước, ngoài nước)	Đáp ứng ngành đào tạo hiện có	Chuẩn bị đội ngũ mở ngành đào tạo mới
V. KHOA VĂN HÓA - DU LỊCH VÀ CÔNG TÁC XÃ HỘI											
46	BM Công tác xã hội	1	Trần Kim Ngọc	Thạc sĩ	Xã hội học	2028	Tiến sĩ	Xã hội học	Trong nước	Công tác xã hội	Cao học CTXH; đại học Công tác Thanh thiếu niên
47		2	Đỗ Thị Thảo	Thạc sĩ	Công tác xã hội	2026	Tiến sĩ	Công tác xã hội	Trong nước	Công tác xã hội	Cao học CTXH; đại học Công tác Thanh thiếu niên
48		3	Nguyễn Thị Bích Hưng	Thạc sĩ	Công tác xã hội	2025	Tiến sĩ	Công tác xã hội	Trong nước	Công tác xã hội	Cao học CTXH; đại học Công tác Thanh thiếu niên
49		4	Trần Văn Luận	Thạc sĩ	Công tác xã hội	2026	Tiến sĩ	Công tác xã hội	Trong nước	Công tác xã hội	Cao học CTXH; đại học Công tác Thanh thiếu niên
50	BM Quản lý văn hóa	1	Trần Hoàng Phong	Thạc sĩ	Triết học	2026	Tiến sĩ	Văn hóa học	Trong nước	Quản lý văn hóa (ĐH)	Cao học Quản lý văn hóa; đại học Văn hóa học
51		2	Nguyễn Trần Mai Trâm	Thạc sĩ	Việt Nam học	2025	Tiến sĩ	Việt Nam học	Trong nước	Việt Nam học	Cao học Văn hoá học
52		3	Lê Văn Vũ	Thạc sĩ	Du lịch học	2025	Tiến sĩ	Du lịch	Trong nước	Việt Nam học	Quản trị du lịch và lữ hành

STT	Bộ môn/ Đơn vị	STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn hiện tại		Dự kiến quy hoạch đội ngũ viên chức đào tạo sau đại học đến năm 2030					
				Trình độ	Chuyên ngành	Năm dự kiến đi đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Nơi đào tạo (trong nước, ngoài nước)	Đáp ứng ngành đào tạo hiện có	Chuẩn bị đội ngũ mở ngành đào tạo mới
53	BM Quản lý văn hóa	4	Trần Thanh Thảo Uyên	Thạc sĩ	Du lịch học	2026	Tiến sĩ	Du lịch	Trong nước	Việt Nam học	Quản trị du lịch và lữ hành
54		5	Trần Chánh Bằng	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Việt Nam	2026	Tiến sĩ	Báo chí	Trong nước	Truyền thông đa phương tiện	Đại học Du lịch
55		6	Đỗ Thị Kiều Hoa	Thạc sĩ	Du lịch học	2026	Tiến sĩ	Du lịch	Trong nước	Việt Nam học	Đại học Du lịch
56		7	Võ Nguyên Thông	Thạc sĩ	Du lịch học	2026	Tiến sĩ	Du lịch	Trong nước	Việt Nam học	Đại học Du lịch
57		8	Đinh Văn Nhân	Thạc sĩ	Quản lý văn hóa	2028	Tiến sĩ	Quản lý văn hóa	Trong nước	Quản lý văn hóa (ĐH)	Cao học Quản lý văn hóa; đại học Văn hóa học

VI. KHOA SƯ PHẠM TOÁN - TIN, TRƯỜNG SƯ PHẠM

58	BM SP Tin học	1	Nguyễn Thị Ngọc Chi	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	2026	Tiến sĩ	Lý luận và PPDH bộ môn Tin học	Trong nước	SP Tin học	Cao học LL&PPDH BM Tin học
59		2	Nguyễn Trọng Nhân	Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	2026	Tiến sĩ	Lý luận và PPDH bộ môn Tin học	Trong nước	SP Tin học	Cao học LL&PPDH BM Tin học
60		3	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	2028	Tiến sĩ	Lý luận và PPDH bộ môn Tin học	Trong nước	KHMT	Cao học Lý luận và PPDH bộ môn Tin học

STT	Bộ môn/ Đơn vị	STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn hiện tại		Dự kiến quy hoạch đội ngũ viên chức đào tạo sau đại học đến năm 2030					
				Trình độ	Chuyên ngành	Năm dự kiến đi đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Nơi đào tạo (trong nước, ngoài nước)	Đáp ứng ngành đào tạo hiện có	Chuẩn bị đội ngũ mở ngành đào tạo mới
61	BM SP Tin học	4	Trần Thị Thùy Dung	Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	2026	Tiến sĩ	Hệ thống thông tin	Trong nước	Đã đáp ứng ngành SP Tin học	Cao học Lý luận và PPDH bộ môn Tin học
62	BM SP Toán học	1	Huỳnh Ngọc Cẩm	Thạc sĩ	Toán giải tích	2025	Tiến sĩ	Toán ứng dụng	Trong nước	Đã đáp ứng ngành SP Toán học	Cao học Toán ứng dụng
63		2	Trần Thụy Hoàng Yến	Thạc sĩ	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	2026	Tiến sĩ	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	Trong nước	Đã đáp ứng ngành SP Toán học	

VII. KHOA SƯ PHẠM KHOA HỌC TỰ NHIÊN, TRƯỜNG SƯ PHẠM

64	BM SP Sinh học	1	Phạm Thị Thanh Mai	Thạc sĩ	Thực vật học	2030	Tiến sĩ	Thực vật học	Trong nước		
65	BM SP Vật lý	1	Phạm Thị Mỹ Hạnh	Thạc sĩ	LL&PPDH bộ môn Vật lý	2030	Tiến sĩ	LL&PPDH bộ môn Vật lý	Trong nước		
66		2	Tô Bá Cường	Đại học	Vật lý hạt nhân	2025	Thạc sĩ	Vật lý	Trong nước		
67	BM SP Hóa học	1	Trần Thị Xuân Mai	Thạc sĩ	Hóa lý thuyết và Hóa lý	2026	Tiến sĩ	Hóa lý thuyết và Hóa lý	Trong nước		
68		2	Võ Thủy Tiên	Đại học	Sư phạm Hóa học	2025	Thạc sĩ	Lý luận và Phương pháp dạy học (Hướng chuyên sâu dạy học Hóa học)	Trong nước		

STT	Bộ môn/ Đơn vị	STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn hiện tại		Dự kiến quy hoạch đội ngũ viên chức đào tạo sau đại học đến năm 2030					
				Trình độ	Chuyên ngành	Năm dự kiến đi đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Nơi đào tạo (trong nước, ngoài nước)	Đáp ứng ngành đào tạo hiện có	Chuẩn bị đội ngũ mở ngành đào tạo mới
VIII. KHOA SƯ PHẠM KHOA HỌC XÃ HỘI, TRƯỜNG SƯ PHẠM											
69	BM SP Ngữ văn	1	Đặng Thanh Hải	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Việt Nam	2025	Tiến sĩ	Lý luận và PPDH bộ môn Văn - TV	Trong nước	GDTH, Ngôn ngữ Việt Nam	
70		2	Hồ Chí Linh	Thạc sĩ	LL&PPDH bộ môn Văn và tiếng Việt	2027	Tiến sĩ	LL&PPDH bộ môn Văn và tiếng Việt	Trong nước	SP Ngữ văn, Ngôn ngữ Việt Nam	
71		3	Đặng Thị Diễm Tiên	Thạc sĩ	Văn học Việt Nam	2026	Tiến sĩ	Văn học Việt Nam	Trong nước	Sư phạm Ngữ văn, Giáo dục Mầm non, Giáo dục Tiểu học	Thạc sĩ Văn học Việt Nam
72		4	Nguyễn Văn Nghiêm	Thạc sĩ	Văn học Việt Nam	2026	Tiến sĩ	Văn học Việt Nam	Trong nước	Ngôn ngữ Việt Nam	Thạc sĩ Văn học Việt Nam
73	BM SP Địa lý	1	Nguyễn Thị Thanh Vân	Thạc sĩ	Lý luận và PPDH Địa lý	2026	Tiến sĩ	Lý luận và PPDH Địa lý	Trong nước	SP Địa lý; SP Lịch sử - Địa lý	Địa lý học

STT	Bộ môn/ Đơn vị	STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn hiện tại		Dự kiến quy hoạch đội ngũ viên chức đào tạo sau đại học đến năm 2030					
				Trình độ	Chuyên ngành	Năm dự kiến đi đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Nơi đào tạo (trong nước, ngoài nước)	Đáp ứng ngành đào tạo hiện có	Chuẩn bị đội ngũ mở ngành đào tạo mới

IX. KHOA GIÁO DỤC TIỂU HỌC - MẦM NON, TRƯỜNG SƯ PHẠM

74	BM Giáo dục Tiểu học	1	Cao Thị Bích Liên	Thạc sĩ	Văn học Việt Nam	2027	Tiến sĩ	LL và PPDH bộ môn Văn - TV	Trong nước	GDTH	
75		2	Vũ Thị Hiền	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Việt Nam	2027	Tiến sĩ	Ngôn ngữ Việt Nam	Trong nước	GDTH	
76		3	Huỳnh Mỹ Linh	Thạc sĩ	GDH bậc Tiểu học	2027	Tiến sĩ	LL và PPDH Tiểu học	Trong nước	GDTH	
77		4	Huỳnh Thị Trúc Giang	Thạc sĩ	Địa lí học	2030	Tiến sĩ	LL và PPDH Tiểu học	Trong nước	GDTH	
78		5	Trần Thị Giao Xuân	Thạc sĩ	Lịch sử thế giới	2027	Tiến sĩ	LL và PPDH Tiểu học	Trong nước	GDTH	
79		6	Phan Thị Hiệp	Thạc sĩ	Đại số-LT số	2025	Tiến sĩ	LL&PPDH bộ môn Toán	Trong nước	GDTH	
80		7	Tô Ngọc Sơn	Thạc sĩ	Giáo dục Tiểu học	2025	Tiến sĩ	Quản lý giáo dục	Trong nước	GDTH	
81		8	Nguyễn Thị Ngọc Thu	Thạc sĩ	Quản lý Giáo dục	2029	Tiến sĩ	LL&PPDH Tiểu học	Trong nước	GDTH	

STT	Bộ môn/ Đơn vị	STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn hiện tại		Dự kiến quy hoạch đội ngũ viên chức đào tạo sau đại học đến năm 2030					
				Trình độ	Chuyên ngành	Năm dự kiến đi đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Nơi đào tạo (trong nước, ngoài nước)	Đáp ứng ngành đào tạo hiện có	Chuẩn bị đội ngũ mở ngành đào tạo mới
82	BM Giáo dục Mầm non	1	Lê Thị Bích Vân	Thạc sĩ	Giáo dục mầm non	2029	Tiến sĩ	Khoa học Giáo dục	Trong nước	Thạc sĩ GDMN	Cao học GDMN
83		2	Trần Nguyễn Thị Như Mai	Thạc sĩ	Giáo dục mầm non	2026	Tiến sĩ	Khoa học Giáo dục	Trong nước	GDMN	Cao học GDMN
84		3	Lê Thị Lan	Thạc sĩ	Giáo dục mầm non	2026	Tiến sĩ	Khoa học Giáo dục	Trong nước	GDMN	Cao học GDMN
85		4	Lê Ánh Nguyệt	Thạc sĩ	Giáo dục mầm non	2026	Tiến sĩ	Quản lý giáo dục	Trong nước	GDMN	Cao học GDMN
86		5	Nguyễn Ngọc Trinh	Thạc sĩ	Giáo dục mầm non	2026	Tiến sĩ	Giáo dục Mầm non	Trong nước	GDMN	Cao học GDMN
87		6	Nguyễn Thị Tuyết Minh	Thạc sĩ	Lý luận và Lịch sử Mỹ thuật	2030	Tiến sĩ	Lý luận và Lịch sử Mỹ thuật	Trong nước	SP Mỹ thuật, Quản lý văn hóa, GDMN	Cao học Mỹ thuật, GDMN

X. KHOA GIÁO DỤC THỂ CHẤT - SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT, TRƯỜNG SƯ PHẠM

88	BM SP Mỹ thuật	1	Hồ Hải Thanh	Thạc sĩ	Lý luận và Lịch sử Mỹ thuật	2029	Tiến sĩ	Lý luận và Lịch sử Mỹ thuật	Trong nước	Đáp ứng cho việc đào tạo ngành SP Mỹ thuật của Trường	Ngành đại học: Thiết kế đồ họa, Hội họa; Cao học: Lý luận và Lịch sử Mỹ thuật; Mỹ thuật tạo hình
----	---------------------------	---	--------------	---------	--------------------------------	------	---------	--------------------------------	---------------	---	---

STT	Bộ môn/ Đơn vị	STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn hiện tại		Dự kiến quy hoạch đội ngũ viên chức đào tạo sau đại học đến năm 2030					
				Trình độ	Chuyên ngành	Năm dự kiến đi đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Nơi đào tạo (trong nước, ngoài nước)	Đáp ứng ngành đào tạo hiện có	Chuẩn bị đội ngũ mở ngành đào tạo mới
89	BM SP Mỹ thuật	2	Lê Mạnh Hà	Thạc sĩ	Nghệ thuật thị giác	2030	Tiến sĩ	Lý luận và Lịch sử Mỹ thuật	Ngoài nước	Đáp ứng cho việc đào tạo ngành SP Mỹ thuật của Trường	Ngành đại học: Thiết kế đồ họa, Hội họa; Cao học: Lý luận và Lịch sử Mỹ thuật; Mỹ thuật tạo hình
90		3	Phạm Thị Thu Hằng	Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình	2030	Tiến sĩ	Lý luận và Lịch sử Mỹ thuật	Ngoài nước	Đáp ứng cho việc đào tạo ngành SP Mỹ thuật của Trường	Ngành đại học: Thiết kế đồ họa, Hội họa; Cao học: Lý luận và Lịch sử Mỹ thuật; Mỹ thuật tạo hình
91		4	Nguyễn Thị Bích Thuần	Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình	2030	Tiến sĩ	Lý luận và Lịch sử Mỹ thuật	Trong nước	Đáp ứng cho việc đào tạo ngành SP Mỹ thuật của Trường	
92		5	Lê Minh Quang	Thạc sĩ	Lý luận & Lịch sử Mỹ thuật ứng dụng	2026	Tiến sĩ	Lý luận và Lịch sử Mỹ thuật	Trong nước	Đáp ứng cho việc đào tạo ngành SP của Trường	Ngành đào tạo Thiết kế đồ họa, Gốm, Thiết kế công nghiệp

STT	Bộ môn/ Đơn vị	STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn hiện tại		Dự kiến quy hoạch đội ngũ viên chức đào tạo sau đại học đến năm 2030					
				Trình độ	Chuyên ngành	Năm dự kiến đi đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Nơi đào tạo (trong nước, ngoài nước)	Đáp ứng ngành đào tạo hiện có	Chuẩn bị đội ngũ mở ngành đào tạo mới
93	BM SP Âm nhạc	1	Võ Xuân Hùng	Thạc sĩ	Quản lý văn hóa	2025	Tiến sĩ	Quản lý giáo dục	Trong nước		
94		2	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Thạc sĩ	Lý luận & PPDH Âm nhạc	2028	Tiến sĩ	Lý luận & PPDH Âm nhạc		Đáp ứng cho việc đào tạo ngành SP Âm nhạc của Trường	
95		3	Trần Nguyễn Thanh Thảo	Thạc sĩ	Quản lý văn hóa	2027	Tiến sĩ	Quản lý văn hóa	Trong nước	Đáp ứng cho việc đào tạo ngành SP và ngoài SP của Trường	
96		4	Nguyễn Huy Bình	Thạc sĩ	Lý luận & PPDH Âm nhạc	2026	Tiến sĩ	Lý luận & PPDH Âm nhạc	Trong nước	Đáp ứng cho việc đào tạo ngành SP Âm nhạc của Trường	
97		5	Lại Thị Thanh Thủy	Thạc sĩ	Lý luận & PPDH Âm nhạc	2028	Tiến sĩ	Lý luận & PPDH Âm nhạc	Trong nước	Đáp ứng cho việc đào tạo ngành SP Âm nhạc của Trường	
98	BM Giáo dục Quốc phòng và An ninh	1	Nguyễn Tất Hùng	Thạc sĩ	Chính trị học	2026	Tiến sĩ	Chính trị học	Trong nước	GDQP&AN	GDQP&AN
99		2	Nguyễn Thị Huyền	Thạc sĩ	Chính trị học	2026	Tiến sĩ	Chính trị học	Trong nước	GDQP&AN	GDQP&AN

STT	Bộ môn/ Đơn vị	STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn hiện tại		Dự kiến quy hoạch đội ngũ viên chức đào tạo sau đại học đến năm 2030					
				Trình độ	Chuyên ngành	Năm dự kiến đi đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Nơi đào tạo (trong nước, ngoài nước)	Đáp ứng ngành đào tạo hiện có	Chuẩn bị đội ngũ mở ngành đào tạo mới
100	BM Giáo dục thể chất	1	Ngô Trần Thúc Bảo	Thạc sĩ	Giáo dục thể chất	2025	Tiến sĩ	Giáo dục thể chất	Trong nước	GDTC	Cao học GDTC
101		2	Nguyễn Ngọc Tiến	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	2027	Tiến sĩ	Giáo dục học (Giáo dục thể chất)	Trong nước		Huấn luyện TDTT
102		3	Phạm Thanh Tùng	Thạc sĩ	Giáo dục thể chất	2027	Tiến sĩ	Huấn luyện Thể dục Thể thao	Trong nước	Giáo dục Thể chất	GDTC và Huấn luyện TDTT
103		4	Trần Văn Đò	Thạc sĩ	Giáo dục thể chất	2030	Tiến sĩ	Giáo dục học	Trong nước	Giáo dục Thể chất	Thạc sĩ Giáo dục học (Giáo dục thể chất)

XI. KHOA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ VÀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC, TRƯỜNG SƯ PHẠM

104	BM Lý luận chính trị	1	Lê Anh Thi	Thạc sĩ	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2025	Tiến sĩ	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Trong nước	Giáo dục chính trị	Cao học Chính trị học
105		2	Nguyễn Thị Thìn	Thạc sĩ	Triết học	2025	Tiến sĩ	Triết học	Trong nước	Giáo dục chính trị	Cao học Chính trị học
106		3	Lý Thị Kim Quyến	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục chính trị	2025	Tiến sĩ	Kinh tế Chính trị	Trong nước		

STT	Bộ môn/ Đơn vị	STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn hiện tại		Dự kiến quy hoạch đội ngũ viên chức đào tạo sau đại học đến năm 2030					
				Trình độ	Chuyên ngành	Năm dự kiến đi đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Nơi đào tạo (trong nước, ngoài nước)	Đáp ứng ngành đào tạo hiện có	Chuẩn bị đội ngũ mở ngành đào tạo mới
107	BM Giáo dục công dân	1	Lê Thị Lệ Hoa	Thạc sĩ	LL&PPGD Giáo dục chính trị	2030	Tiến sĩ	LL&PPGD Giáo dục chính trị	Trong nước	Giáo dục chính trị	Cao học Chính trị học
108		2	Phan Anh	Thạc sĩ	Chính trị học	2025	Tiến sĩ	Chính trị học	Trong nước		
109		3	Đoàn Duy Trúc Ngọc	Thạc sĩ	Chính trị học	2026	Tiến sĩ	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trong nước	Giáo dục chính trị	Cao học Chính trị học
110	BM Tâm lý - Quản lý Giáo dục học	1	Lê Anh Tuấn	Thạc sĩ	Quản lý Giáo dục	2025	Tiến sĩ	Quản lý giáo dục	Trong nước	Quản lý giáo dục	
111		2	Lê Thị Kim Phúc	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	2027	Tiến sĩ	Quản lý giáo dục	Trong nước		

B. QUY HOẠCH TỪ PHÒNG, TRUNG TÂM PHỤC VỤ ĐÀO TẠO, VIÊN CHỨC HÀNH CHÍNH

112	Phòng Khoa học và Công nghệ	1	Tăng Thái Thụy Ngân Tâm	Thạc sĩ	Châu Á học	2025	Tiến sĩ	Việt Nam học	Trong nước	Việt Nam học	
113	Phòng Hành chính - Tổng hợp	1	Hồ Minh Quang	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	2025 - 2026	Tiến sĩ	Quản lý giáo dục	Trong nước		
114		2	Trần Ngọc Thuận	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	2027	Tiến sĩ	Khoa học máy tính	Trong nước	KHMT	Cao học CNTT
115		3	Lê Thị Cẩm Nương	Đại học	Quản trị Khách sạn	2025	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	Trong nước		

STT	Bộ môn/ Đơn vị	STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn hiện tại		Dự kiến quy hoạch đội ngũ viên chức đào tạo sau đại học đến năm 2030					
				Trình độ	Chuyên ngành	Năm dự kiến đi đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Nơi đào tạo (trong nước, ngoài nước)	Đáp ứng ngành đào tạo hiện có	Chuẩn bị đội ngũ mở ngành đào tạo mới
116	Phòng Tổ chức cán bộ và Pháp chế	1	Bùi Văn Diễn	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	2029	Tiến sĩ	Quản lý giáo dục	Trong nước		
117		2	Trần Ngọc Quỳnh Hương	Thạc sĩ	Luật thương mại	2026	Tiến sĩ	Luật	Trong nước		
118		3	Võ Thị Kim Tiến	Đại học	Sư phạm Tin học	2025	Thạc sĩ	Luật	Trong nước		
119		4	Nguyễn Văn Phước Tiến	Đại học	Luật	2025	Thạc sĩ	Luật kinh tế	Trong nước		
120		5	Nguyễn Lê Thùy Linh	Đại học	Sư phạm Hóa học	2026	Thạc sĩ	Luật kinh tế	Trong nước		
121	Phòng Công tác Đảng và Công tác sinh viên	1	Phạm Văn Hiệp	Thạc sĩ	Khoa học Nông nghiệp	2025	Tiến sĩ	Khoa học Nông nghiệp	Trong nước		
122		2	Phạm Trọng Nhân	Thạc sĩ	Quản lý Giáo dục	2028	Tiến sĩ	Quản lý Giáo dục	Trong nước		
123		3	Bùi Ngọc Nga	Thạc sĩ	Quản lý Giáo dục	2030	Tiến sĩ	Quản lý Giáo dục	Trong nước		
124		4	Nguyễn Thanh Hải	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	2028	Tiến sĩ	Quản lý giáo dục	Trong nước		

STT	Bộ môn/ Đơn vị	STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn hiện tại		Dự kiến quy hoạch đội ngũ viên chức đào tạo sau đại học đến năm 2030					
				Trình độ	Chuyên ngành	Năm dự kiến đi đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Nơi đào tạo (trong nước, ngoài nước)	Đáp ứng ngành đào tạo hiện có	Chuẩn bị đội ngũ mở ngành đào tạo mới
125	Phòng Công tác Đảng và Công tác sinh viên	5	Huỳnh Thanh Thương	Đại học	Công tác xã hội	2026	Thạc sĩ	Công tác xã hội	Trong nước		
126		6	Phạm Nhựt Khoa	Đại học	Sư phạm Toán học	2025	Thạc sĩ	Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Toán	Trong nước		
127		7	Đặng Hoài Phong	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	2026	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	Trong nước		
129	Phòng Bảo đảm chất lượng	1	Nguyễn Quốc Tuấn	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	2026	Tiến sĩ	Quản lý giáo dục	Trong nước		
129		2	Hà Vũ Hoàng	Thạc sĩ	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	2027	Tiến sĩ	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	Trong nước		
130		3	Nguyễn Văn Cảnh	Thạc sĩ	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	2026	Tiến sĩ	Giáo dục học	Trong nước		
131	Phòng Kế hoạch - Tài chính	1	Trần Thị Hậu	Đại học	Kế toán	2025	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	Trong nước		
132		2	Trần Văn Tập	Thạc sĩ	Tài chính	2026	Tiến sĩ	Tài chính	Trong nước		

STT	Bộ môn/ Đơn vị	STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn hiện tại		Dự kiến quy hoạch đội ngũ viên chức đào tạo sau đại học đến năm 2030					
				Trình độ	Chuyên ngành	Năm dự kiến đi đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Nơi đào tạo (trong nước, ngoài nước)	Đáp ứng ngành đào tạo hiện có	Chuẩn bị đội ngũ mở ngành đào tạo mới
133	Phòng Kế hoạch - Tài chính	3	Nguyễn Thị Anh Đào	Đại học	Thư viện - Thông tin	2029	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Trong nước		
134		4	Dương Thị Lan	Thạc sĩ	Kinh doanh và Quản lý	2028	Tiến sĩ	Kinh tế phát triển	Trong nước		
135	Phòng Thiết bị và Xây dựng cơ bản	1	Nguyễn Bá Tường	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	2026	Tiến sĩ	Quản lý giáo dục	Trong nước		
136		2	Bạch Văn Nghĩa	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	2026	Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí Ôtô	Trong nước		
137		3	Nguyễn Văn Hậu	Đại học	Sư phạm Tin học	2026	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Trong nước		
138	Trung tâm chuyển giao Công nghệ, Khởi nghiệp và Sự kiện	1	Nguyễn Trí Túc	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	2025	Tiến sĩ	Quản lý giáo dục	Trong nước		
139		2	Nguyễn Minh Luân	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	2027	Tiến sĩ	Giáo dục học	Trong nước	Quản lý giáo dục	
140	Trung tâm Dịch vụ	1	Cái Thị Lê Nương	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	2025	Tiến sĩ	Quản lý Giáo dục	Trong nước		
141		2	Lê Phước Vinh	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	2025	Tiến sĩ	Khoa học máy tính	Trong nước	KHMT	Cao học CNTT

STT	Bộ môn/ Đơn vị	STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn hiện tại		Dự kiến quy hoạch đội ngũ viên chức đào tạo sau đại học đến năm 2030					
				Trình độ	Chuyên ngành	Năm dự kiến đi đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Nơi đào tạo (trong nước, ngoài nước)	Đáp ứng ngành đào tạo hiện có	Chuẩn bị đội ngũ mở ngành đào tạo mới
142	Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học	1	Võ Minh Lâm	Thạc sĩ	TESOL	2026	Tiến sĩ	Quản lý Giáo dục	Trong nước	Quản lý Giáo dục	
143		2	Bùi Thanh Tính	Thạc sĩ	Lý luận và PPDH bộ môn tiếng Anh	2025	Tiến sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng	Nước ngoài	Ngôn ngữ Anh, Sư phạm Tiếng Anh	
144	Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học	3	Phạm Mai Duy	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	2025	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	Trong nước	Quản lý kinh tế	
145		4	Tiêu Ngọc Thúy	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	2025	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Tiếng Anh	Trong nước	Ngôn ngữ Anh	
146		5	Lê Thị Ngọc Diệp	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	2028	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Trung Quốc	Trong nước	Ngôn ngữ Trung	
147	Trung tâm Liên kết đào tạo và Bồi dưỡng	1	Nguyễn Hữu Nghị	Thạc sĩ	Hóa lý thuyết và Hóa lý	2025	Tiến sĩ	Hóa lý thuyết và Hóa lý	Trong nước		
148		2	Đỗ Thị Thu Ba	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	2027	Tiến sĩ	Quản lý giáo dục	Trong nước		
149		3	Đoàn Trung Chánh	Thạc sĩ	Khoa học thư viện	2029	Tiến sĩ	Quản lý giáo dục	Trong nước		

STT	Bộ môn/ Đơn vị	STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn hiện tại		Dự kiến quy hoạch đội ngũ viên chức đào tạo sau đại học đến năm 2030					
				Trình độ	Chuyên ngành	Năm dự kiến đi đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Nơi đào tạo (trong nước, ngoài nước)	Đáp ứng ngành đào tạo hiện có	Chuẩn bị đội ngũ mở ngành đào tạo mới
150	Trung tâm Học liệu Lê Vũ Hùng	1	Nguyễn Hồng Điều	Đại học	Giáo dục chính trị	2025	Thạc sĩ	Giáo dục học (Giáo dục Chính trị)	Trong nước		
151		2	Phạm Minh Châu	Đại học	Công nghệ kỹ thuật hóa học	2025	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Trong nước		
152		3	Nguyễn Đức Quang	Đại học	Kế toán	2026	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	Trong nước		
153	Phòng Đào tạo	1	Võ Châu Hạnh	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	2027	Tiến sĩ	Quản lý giáo dục	Trong nước		

C. QUY HOẠCH TRƯỜNG THSP MẦM NON HOA HỒNG

154	TRƯỜNG THỰC HÀNH SƯ PHẠM MẦM NON HOA HỒNG	1	Đỗ Thị Diệu Trinh	Đại học	Giáo dục mầm non	2025	Thạc sĩ	Giáo dục học (chuyên ngành Giáo dục mầm non)	Trong nước		
155		2	Lê Thị Ngọc Ngân	Đại học	Giáo dục mầm non	2025	Thạc sĩ	Giáo dục học (chuyên ngành Giáo dục mầm non)	Trong nước		
156		3	Nguyễn Thị Trúc Ly	Đại học	Giáo dục mầm non	2025	Thạc sĩ	Giáo dục học (chuyên ngành Giáo dục mầm non)	Trong nước		

STT	Bộ môn/ Đơn vị	STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn hiện tại		Dự kiến quy hoạch đội ngũ viên chức đào tạo sau đại học đến năm 2030					
				Trình độ	Chuyên ngành	Năm dự kiến đi đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Nơi đào tạo (trong nước, ngoài nước)	Đáp ứng ngành đào tạo hiện có	Chuẩn bị đội ngũ mở ngành đào tạo mới
157	TRƯỜNG THỰC HÀNH SƯ PHẠM MẦM NON HOA HỒNG	4	Trương Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục mầm non	2025	Thạc sĩ	Giáo dục học (chuyên ngành Giáo dục mầm non)	Trong nước		
158		5	Trần Thị Bé Ngân	Đại học	Giáo dục mầm non	2025	Thạc sĩ	Giáo dục học (chuyên ngành Giáo dục mầm non)	Trong nước		
159		6	Thị Ngọc Vàng	Đại học	Giáo dục mầm non	2025	Thạc sĩ	Giáo dục học (chuyên ngành Giáo dục mầm non)	Trong nước		
160		7	Nguyễn Thảo Nhi	Đại học	Giáo dục mầm non	2025	Thạc sĩ	Giáo dục học (chuyên ngành Giáo dục mầm non)	Trong nước		

Danh sách này có tổng cộng:

Năm dự kiến đi học	Trình độ	
	Tiến sĩ	Thạc sĩ
2025	29	20
2026	48	8
2027	23	0
2028	14	1
2029	5	1
2030	11	0
Tổng cộng	130	30